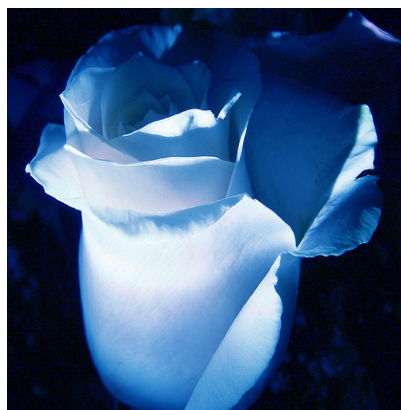


*Nói với tuổi trẻ và lý tưởng...*



## Hương Bát nhã mang trái tim màu xanh biển cả

**Cư sĩ Liên Hoa**

*Sáng nay, vừa nhận được  
cánh hoa hồng màu xanh  
một ai vô tình gửi  
chia sẻ lúc hạ tàn*

*nhìn hoa, tôi chợt hỏi  
em đến từ nơi đâu  
thân em là màu biển  
hay tóc là mây xanh*

*từng cánh hoa chở mộng  
chở cõi đời phiêu lãng  
giữa biển rộng trời cao  
gió đưa em phương nào*

*vòng đời xoay lãng đàng  
từ thuở mắt sơ sinh  
trên vùng đất an bình  
nghe lòng phỉ nhiêu nhớ...*

Cánh hoa hồng nhận được sáng nay, mang lại nhiều câu hỏi mênh mông. Hoa tự khoát áo màu xanh hay đang được thoa màu để trang điểm se sua cho cuộc đời, trong buổi hè đang dần tàn. Từng cánh mỏng như tơ lụa, mềm mại như bờ môi, xanh biếc như đôi mắt buồn huyền ảo, hoặc bầu bình như em bé quấn mình ấm êm trong bụng mẹ... Em đã thả ngọc cho đời, vung tay lên rải các hương vị của hạnh phúc màu xanh, trải rộng theo chiều dài của đại dương.

Em nói tôi rằng, vì không biết tôi còn hay đã mất mẹ, nên chỉ biết gửi tặng cho hoa hồng màu xanh, tùy theo sự hiểu, cảm thông để nhận cho tấm lòng. Tôi cười vô tư để bắt nhịp theo tâm tư của em qua hình dáng màu xanh của hoa. Đã lâu rồi, người ta mặc định với nhau rằng hoa hồng màu đỏ nói lên sự còn mẹ, hồng trắng là mẹ đã mất, còn màu hoa hồng vàng được dành cho các vị mang chiếc áo cô đơn... còn màu xanh này sao xa lạ quá, nó nói lên được những gì? Em chỉ im lặng, mỉm cười, dành câu trả lời trong sự tò mò suy tư của tôi.

Sự im lặng của em là hư vô, như ánh lên từ sâu thẳm của đáy tâm, vẫy vùng những đợt sóng... Làm sao tôi có thể tìm thấy em giữa màu xanh, vì màu xanh có mặt khắp mọi nơi dù là dưới những dạng gam màu khác, như nền trời xanh ngắt cũng là màu xanh, trái tim cũng là màu xanh khi nhịp đập con tim có thở tin lòng, và ước mơ của loài người cũng lạ lùng, kỳ diệu mang màu xanh.

Tôi giật mình thấy màu xanh bỗng nhiên trở mình, thức giấc để nói lên đủ điều, có tướng, có hình hay nhảy vào tâm trong lặng, giữa có và không, hoặc là cõi như như, nơi đó dung chứa tất cả những sự màu nhiệm của vũ trụ. Phải chăng em đã có ý nghĩ đến sự vươn mình lên trên cao của bầu trời hay trải mình rộng ra theo vực sâu biển cả, nói lên những ước vọng đi đến trong hiện tại, để chắp cánh cho lối về... Cánh hoa hồng màu xanh không thể đeo trên áo, trước ngực, mà chỉ có dấu ẩn trong tim, vào cùng tận của tâm.

Tôi đã vô tình quấy động trong tâm mình để cho chữ nghĩa chạy nhảy, nói lên tiếng nói của nó, nói lên những chiều sâu ẩn chứa có nội lực vực dậy cuộc sống.

*điều luân vũ, mở cánh hương mời gọi  
bước chập chùng diu dặt mỗi chân đi  
trong cơn xoáy, buông rơi mình tâm điểm  
xoáy quay cuồng trong mộng ước bao la*

*em có khoát màu xanh hay muôn sắc  
từ cõi lòng, hoa lá vẫn chờ mong  
hãy bước đi, chân vũ trụ muôn đời  
nghe lại tiếng, thấy lung linh sắc giới*

*quay cuồng lên, màu môi xanh điểm sắc  
xoè con tim để nhịp nhẩy chia đều  
giữa đi đến, bước chân không vội và  
có luân hồi vẫn cõi nguyện bi tâm.....*

Cánh hoa màu xanh bỗng nhảy múa trước mắt tôi trong điệu vũ quay cuồng, xoè từng cánh mỏng, từng bước chân loay hoay, nhưng vẫn trụ vào tâm điểm để vững sống trong cuộc đời, dù đời là đau thương, có nhiều sóng gió, đưa đẩy cánh hoa trong gió sương, trong luân hồi biến đổi.

Có nhiều người đã hỏi tôi rằng: 'Sao anh hay lấy chính mình ra để châm chọc, nói xấu, thay vì phải dấu kín, che dấu để mình có thể là những hình ảnh đẹp cho mọi người. Ai cũng vậy thôi, tất cả đều chạy bám theo cái "ngã" dưới mọi hình thức, đôi khi rõ ràng, nhiều khi khéo léo, vi tế'. Câu hỏi làm tôi chột bật cười..." Dám can đảm nói về mình vì mình sẽ không bao giờ tự làm cho mình bị thương khi bêu xấu chính mình, còn nói tên của người khác...thú thật, tôi không dám vì rất là nguy hiểm. Hơn nữa, khi nói xấu mình, người ta sẽ thấy cái dở của mình để tránh không gây nên những lỗi lầm tương tự, và hoặc giả, khi có ai đó, biết mình xấu thiệt, thì mình cũng đã nói trước rồi, nên đỡ lo lắng, phàn nàn..Cho nên, một việc mà có ba bốn cái lợi....".

Chúng tôi cùng cười trong chia sẻ sáng khoái của một ngày, thật dòn, làm tan bầu không khí vốn thường căng thẳng chung quanh. Tìm nhau để nói lời chân thật, tìm ý nghĩa của vô thường, tìm những liên hệ để hiện hữu, tìm đến những mắc xích cho cuộc nhân sinh.

Em hỏi tôi rằng: "Tại sao, trong sự an tịnh, như như...lại có niệm bất giác nổi lên để có thiên hà đại địa? Như vậy, khi trở về sự an lạc, thanh tịnh...rồi có ngày mình sẽ bị niệm bất giác làm dậy sóng chăng? Và làm cho cuộc luân hồi thành hình, chừng nào gọi là chấm dứt để khổ đau không còn hiện diện?".

Câu hỏi này đã theo tôi nhiều năm tháng, khi chập chững bước chân đi tìm lại cuộc đời với lý tưởng mà mình tạo thành.

Tuổi trẻ của tôi khác em nhiều, dù là khổ đau vẫn oằn oại, dù là niềm tin bị mất, dù là thần tượng bị lung lay, dù mọi giá trị đều bị định lại với giá trị khả hữu... nhưng cũng vẫn còn là tâm tư muốn sống được có giá trị, sống cho cuộc đời có ý nghĩa nào đó, nhưng rồi không làm gì được. Đó thật là điều vô lý trong những cái vô lý, khi con người không thể định đoạt cho lý tưởng của mình.

Chiến tranh. Vâng, chiến tranh như tiếng kêu khẩn, khô đặc, nhưng âm ầm nổ, đổ dài trên quê hương, tàn phá tất cả, mọi hy vọng, mọi xây dựng, mọi sống còn, sống không lý tưởng. Tuổi trẻ nhìn đâu đâu cũng đều thấy chết chóc, thấy bom đạn, thấy thân người nằm la liệt đâu đó, thấy từng chiếc quan tài phủ lên màu cờ, chở về để ghi công cho chiến tích. Chết trở nên bình thường như không có chuyện gì là lạ. Những bạn bè của tôi, hôm nay ngồi đây cùng nhau uống ly cà phê đắng bên quán cóc bên lề đường, vài giờ sau nghe tin đã tan xác.

Những người mẹ, người vợ đầu chít khăn tang cho chồng, cho con với lòng căm nín, chịu đựng. Khóc đã khóc rồi, đau đã đau rồi và không còn gì để đổ tràn thêm nước mắt, không còn chỗ nào để chứa thêm niềm đau.

*Bàn tay nào vung lên  
Tìm lại từng hơi ấm  
Ngày qua đã mất rồi  
hiện tại là xác chết  
người thương, hay xa lạ  
thân nằm im bất động  
hồn ở đâu bây giờ?  
đêm về nghe khắc khoải  
một trời nhớ, trời thương  
một đời thân khổ nạn  
tay ai tìm tay ai  
để khoảng không đợi chờ  
sao chiến tranh tàn phá  
không để lại bài thơ  
cho em nằm khẽ đọc  
mơ ước được hoà bình...*



Tôi đã từng hỏi tại sao lại có chiến tranh trên quê hương, và cũng đã khóc dài theo năm tháng của vận nước. Chữ nghĩa, học vấn chỉ còn là những mong mỏi thoát qua khỏi sự hy sinh thân thể cho cái vô lý của chiến tranh khi nhu cầu cần thêm. Khóc, đau, tuyệt vọng, sống bất cần đời... Những khói thuốc đốt lên, éo lá giữa khoảng không, để nỗi dài mơ ước nếu còn sót lại trong suy tư; những ly rượu làm say mềm trong giấc ngủ không mộng寐, rời xa những hoang hốt bàng hoàng của tháng ngày không nắng, thấy đời không có mặt, có tương lai; những khúc nhạc ru đời trong những cơn say tình ái du dương... chúng tôi đang ở đâu đây, ngay trên quê hương mình hay đang réo gọi hồn thơ cho chan hoà trên từng mảnh đất thân Mẹ, để chiến tranh không còn hay tuổi trẻ chúng tôi đã và đang đánh mất chính mình, làm cuộc vong thân trên chính quê hương được sinh ra và lớn lên...

*"sống mình không thể nói  
chết mới nói nên lời..."*

Nhất Chi Mai

Trong một bài viết năm nào khi nhận thức về cuộc đời, khi còn trên ghế nhà trường bậc Trung học, trong bài viết "Sự hoang tàn của tuổi trẻ"\*, bài đã bị mất lâu rồi, nay ghi lại theo trí nhớ. Chúng tôi đã đồng thanh kêu vang lên như thế...nhưng chỉ là tiếng nói lặng câm...

*Mẹ Việt Nam ơi..  
Đây những người con của mẹ  
được mẹ dạy tiếng nói Việt nam  
bài học thuộc nằm lòng  
phải thương yêu nhau  
máu chảy ruột mềm  
dù có ở mọi phương trời nào  
cũng đừng quên lời dặn dò của Mẹ...*



Khi em lớn lên, chiến tranh không còn nữa. Bài học mẹ dạy năm nào cũng có người thuộc người quên, hãy yêu thương đồng loại, thương yêu anh em mình vì cùng dòng giống Lạc Hồng... nhưng hận thù còn đó, bạo lực cũng xảy ra đâu đây.. Em may mắn hơn tôi nhưng em cũng đau khổ hơn tôi nhiều....Tôi từng nói rằng "Xin cảm ơn những người dạy cho tôi trở thành người Việt Nam" hoặc là "nếu ngày mai mộng ước không thành, hãy để chiến tranh tàn phá chính tôi..". Ôi cái mộng ước thật đơn giản như lời Mẹ dạy, mong cho Hoà bình sớm trở về....

Khi niềm tin bị mất, khi thần tượng sụp đổ ...tôi may mắn bắt gặp lại những hình ảnh năm nào rất bình thường, thân thương đã gánh vác dùm cho tôi biết bao nhiêu suy tư, làm nặng trí não. Một vị Sư Vương- người ít học, nhưng cái tâm từ bi rộng lớn, bao la, làm xúc động lòng người được ghi lại trong "Người có nghiệp với Phật"\* và cái lý tưởng đẹp chuyển hoá tâm để làm lợi lạc cho mình và con người với những lời nói bộc trực, đơn giản được nói đến trong "Chiếc áo cô đơn"\* nói về một người tu sĩ trẻ tuổi mà tôi được gặp lúc là sinh viên. Thì ra, trong cuộc ảo du của kiếp người, những hình ảnh đáng trân trọng, yêu quý, đầy mộc mạc, chân tình với lý tưởng dung dị...vẫn còn, vẫn còn..nhưng không cao sang, xa vời, mà hiện diện trong những con người rất bình thường trong cuộc đời.

Khởi từ đó, tôi đã bước vào tiếp cận với đạo Phật để cho mình những hy vọng sống còn khi lý tưởng bị mai một theo năm tháng, tàn lụi theo chiến tranh.

"Tôi chợt nhớ đến loài hoa Ưu-đàm ( Umdambara). Theo truyền thuyết, hoa chỉ nở khi có một vị Thánh nhân ra đời. Tôi muốn nói sự xuất hiện của đức Phật và giáo pháp của Ngài, mở con đường giải thoát cho mọi loài chúng sanh. Câu nói thật đơn giản của Ngài sau khi đạt Giác ngộ dưới cội cây Bồ-đề : "Ta là Phật đã thành, chúng sanh là Phật sẽ thành." làm lay động tâm thức của con người đang ngụp lặn trong vòng luân hồi, chợt bừng lên ánh sáng, thấy được khả năng kỳ diệu của chính mình..

Nếu sự thị hiện của Ngài là vì sự đau khổ của chúng sanh đang bám vào huyễn tướng, để chỉ rõ Chơn-như Phật tánh, thì không lẽ trong thời hiện nay, con người đang sống an lạc và đức Phật không cần ứng hiện? Ngài từng nói: "Không nơi nào trong cõi Diêm-phù-đề là không có chôn vùi thân xác của Như-lai vì trong vô lượng kiếp hành hạnh Bồ-tát để cứu vớt chúng sanh." Như vậy, đức Cô-Đàm - Ngài không chỉ xuất hiện trong khoảng không-thời-gian lịch sử ở Ấn-độ hơn 2500 về trước, mà ứng thân của Ngài đã đang thị hiện khắp mọi nơi chốn và khoảng sân sau

nhà tôi, tôi đã nhận ra được bóng dáng trang nghiêm của Ngài, đã từng, cũng như đang bước chân kinh hành qua đây như đang tại thành Xá-vệ, vườn Cấp-cô-độc, rừng cây của Thái tử Kỳ-đà.

Tôi nhớ đến những vị Đạo-sư, những vị Tổ...vì nguyện từ bi đã từng thế hệ này qua nhiều đời kế tiếp, và đã từ những quốc độ này qua quốc độ khác để "truyền đăng tục diệm" gìn giữ ngọn đuốc soi đường cho chúng sanh không bị lụn tắt, khi mà con người ngày hôm nay đang cần hơn bao giờ hết vì đứng trước hiểm họa nhân loại có thể bị tiêu diệt bởi con người mang đầy thương tích do tham sân si mà trong tay lại đang ôm đầy vũ khí giết người ."\*

Từ khi tiếp cận đến với đạo Phật, tôi đã vượt qua giai đoạn chán chường, sa ngã và thấy đời mình có ý nghĩa sống hơn. Như vậy thì "Tâm luôn thường lặng, tịch nhiên... mà chỉ động khi tâm chúng ta bị vọng động. Đem tư tưởng nhị nguyên thì thấy có động hoặc không động, có thường hoặc vô thường...nhưng với "trí vô phân biệt", không phân chia thì phiền não là niết bàn. Vàng khi đã tinh luyện trở thành vàng ròng thì còn đâu là vàng dơ, cặn". Chợt thấy thương tuổi trẻ của mình, thương những người bạn yếu đuối bất lực trước định mạng, thương những người chân lấm tay bùn, người nghèo khổ, em bé bán báo, người bán hàng rong, người đập xích lô, những cô gái bán bar ....những hình ảnh thực tế, gần gũi của đời thường mà tôi chạy trốn, lẩn tránh xưa kia giờ đây thật đầy xúc động, thật dễ tiếp cận, thấy được tánh người chân thật tiềm ẩn bên trong ..... vì biết rằng đó chính là hình ảnh liên hệ đến chính mình, thấy tôi có trong những nghiệp lực của các người khác, với tha nhân, mọi sinh vật trong vũ trụ này.. theo Lăng kính của Hoa Nghiêm. Lời nói, nghe đọc được năm xưa chợt hiện về:

"Chúng ta đến với trần gian này, không phải để chọn lựa người hoàn hảo để thương yêu, **nhưng** mà để học cách làm thế nào để thương yêu một con người bất toàn được trọn vẹn" do Nhật Tịnh dịch (**Heart Of A Buddha** : "We came to the world. Not by finding Someone perfect to love. **But** to learn How to love An imperfect person perfectly" ).

"Hình ảnh của cuộc đời, của vũ trụ nhân sinh, của cái nhân duyên chẳng chịt lại gợi cho tôi hình ảnh của mandala của người tu theo Mật giáo, vì nơi đó biểu hiện lên tất cả những biểu tượng sống mà con người cần thể nhập, đi vào với không chướng ngại. Vì khi còn thấy có chướng ngại, che mờ, người hành giả sẽ bị vất vưởng ngoài đời sống, cô độc và nhiều hoang tưởng.

Cho nên, "Mandala có thể ví như một phòng thí nghiệm của nhà bác học khi nghiên cứu về một vấn đề gì đó hoặc tạm ví như một công án thiền. Vì thế, mandala của Mật giáo được định nghĩa là : 1- Đàn tràng, đạo tràng. 2- Vô thượng, không gì hơn. 3- Pháp vị vô tỷ. 4- Phát sanh chư Phật. 5- Luân viên cụ túc.

Nên đàn tràng được biết là nơi hiển lộ Pháp thân Phật hoặc Đại Tỳ-lô-giá-na (Mahavairocana) hoặc Như-Lai Đại Nhật. Đàn cũng là biểu tượng của vũ trụ sum la vạn tượng, của cuộc đời hoặc thân ngũ uẩn của con người và trong một ý nghĩa nào đó, cũng có nghĩa tượng trưng cho sự Hóa hiện và Điều phục do chư Phật và Bồ-tát vì Từ tâm muốn hóa độ chúng sanh nên phương tiện quyền Hóa hiện ra các hình tướng của các Thần của ngoại giáo, ví dụ đức Quán Thế Âm hóa hiện ra 33 thân như Phạm Thiên, trời Đế Thích v.v...hoặc khởi Bi mẫn thể hiện uy lực để Điều phục các Thần đó quay về Chánh Pháp.

Đàn còn được chia ra làm 5 Pháp mandala hoặc Vạn tượng mandala:

1- Trung ương: Phật bộ, Địa đại, Pháp giới thể tánh trí, chủ bộ: Như-Lai Đại Nhật,

Sắc uẩn.

- 2- *Phương Đông*: Kim cương bộ, Phong đại, Đại viên cảnh trí, chủ bộ: Như Lai A-súc-bê, Thức uẩn. Đàn vuông.
- 3- *Phương Tây*: Liên hoa bộ, Phong đại, Diệu quán sát trí, chủ bộ: Như Lai A-di-đà, Tướng uẩn. Đàn bán nguyệt.
- 4- *Phương Nam*: Bảo bộ, Hòa đại, Bình đẳng tánh trí, chủ bộ: Như Lai Bảo Sanh, Thọ uẩn. Đàn tam giác.
- 5- *Phương Bắc*: Yết ma bộ, Thủy hoặc Không đại, Thành sở tác trí, chủ bộ: Như Lai Bất Không Thành Tự, Hành uẩn. Đàn tròn.

*Trong vòng sinh hóa bất tận, đó là một phức hợp gồm ngũ uẩn hoặc đều do 6 Đại biến hiện thành tựu.*

*Đi từ khu đất mênh mông của tâm và các dòng tâm thức tuôn chảy, là nền móng của sự chuyển y. Nghiên cứu sâu xa hơn, ta thấy nghiệp dĩ của muôn loài vốn là Khổ (dukkhā), gốc do vô minh (avijjā). Vô minh là không nhận thức được bản chất cấu hợp của năm uẩn, của căn trần cũng như bản chất thực sự của chúng. Là ôm lầy tứ đại như đất nước gió lửa mà không nhận thức được sự trống rỗng, duyên hợp của chúng, nên để cho năm triền cái như tham dục (kāmacchanda), oán ghét (vyāpāda), hôn trầm (thīnamiddha), phóng dật (uddhacca kukkuccha) và hoài nghi (vicikiccha) ngăn trở, đóng bít con đường giải thoát ra khỏi đau khổ.*

*Nằm dưới những lớp mặt nổi nêu trên, là do sự suy tư không chân chánh (Chánh kiến và Chánh tư duy trong Bát chánh đạo) nên dẫn cuộc phiêu lưu của các giác quan đưa đến tam nghiệp bất thiện như thân khẩu ý, là chất nuôi dưỡng năm triền cái và là nhân cho mọi đau khổ, luân hồi.*

*Kinh Viên Giác nói: " Người tu phải nhập tánh giác, chứ không phải tánh giác nhập mình." vì tánh giác sẵn có ở trong tâm của mỗi người như đã nói ở trên, nhưng vì đối với chúng ta, tánh giác không trụ nên vẫn cứ chạy theo vọng tưởng để luân lưu trong sanh tử luân hồi. Tuy nhiên, sự trở về để thể nhập hay an trụ trong tánh giác, đòi hỏi phải nỗ lực như một Đại-sĩ, chứ không được giải đãi. Theo Ngài Thanh Lương, người hành giả cần phải có:*

- 1- *Nguyện đại* : Vì cầu cho được quả Bồ-đề.
- 2- *Hạnh đại* : Vì thành tựu tự lợi và lợi tha.
- 3- *Thời đại* : Dù trải qua vô số kiếp cũng cố gắng thành tựu.
- 4- *Đức đại* : Đầy đủ các công đức bậc nhất thừa.

*Trong Kinh nói; " Chư Bồ tát do lòng từ bi khiến khổ hết gốc ái của chúng sanh nên thị hiện ở thế gian này. Các Ngài mượn tham dục mà vào sanh tử với tất cả những hạnh thuận nghịch để tùy duyên hóa độ". Cho nên, các Ngài thường tùy ngũ sanh như: 1) *Tức khổ sanh* (Sanh ra đặng cứu khổ cho đời) 2) *Thẳng sanh* (Sanh ra ở địa vị hơn đời để cứu đời) 3) *Tặng thượng sanh* (Sanh ở địa vị tối cao để độ sanh) 4) *Tối hậu sanh* (Sanh ra lần cuối cùng ) và 5) *Tùy loại sanh* ( Do nguyện lực, nương theo loại mà sanh để độ) và hình ảnh của đức Bồ tát Quán Thế Âm cũng vì Bi nguyện, nên đã nương theo *Tùy loại sanh*, để cứu độ chúng sanh.*

*Chúng tôi nghĩ đây là chỗ tuyệt diệu của Phật giáo nói chung và của Mật giáo và mật giáo thường biểu tượng tương duyên tương sinh, hòa giải và siêu vượt những nhị nguyên đối đãi, mượn Sự để chỉ Lý. Dùng đến vấn đề biểu tượng và qua biểu tượng này để chỉ thẳng chính thực tại. Nhưng, đừng bao giờ sai lầm cho rằng*

*biểu tượng là thực tại như một số người ngộ nhận, vì thực tại thì muôn màu muôn sắc, linh động. Biểu tượng có thể được hiểu như một hướng dẫn viên thông thạo, rành sỏi để làm cho ta nhìn thấu thực tại, nhưng vượt từ biểu tượng đến thực tại lại cách ngăn một sợi chỉ mỏng cũng có thể là ngàn trùng xa cách.*

Do đó, khi thể nhập vào thì Ngã sở không còn, vì nếu còn ngã sở là còn vọng chấp, phân hai. Đi vào cõi bao la của *viên giác*, không có Bồ tát- chúng sanh, đó là *sự lý viên dung* hay chính là *Pháp thân thanh tịnh* (sự sự vô ngại, chu biến hàm dung). Bồ tát không sa vào chấp không, nhưng muốn đạt Pháp thân lại không thể tìm trong hữu tướng.

Sở dĩ nhấn mạnh như vậy là để đi trực tiếp vào và đến tận suối nguồn của biểu tượng. Nếu có những so sánh, phân biệt, dần giải v.v...chỉ là quyền tạm hay phương tiện thiện xảo để thể nhập vào.

Như chúng ta được biết, trong suốt cuộc đời của đức Phật, vì lòng từ bi vô hạn đối với chúng sanh, nên Ngài đã dùng biết bao nhiêu là phương tiện thiện xảo để mà hóa độ, nào *hóa thành dụ*, nào *tam thừa*, *nhị thừa* và cuối cùng, chỉ rõ *một thừa duy nhất* – đó là *Phật thừa* và là những diệu dụng của Phật thừa đó.

Phật thừa không đến từ ngoài, mà chúng được trong tự thân này vì trong thân tâm có đầy đủ viên mãn *tự tánh thanh tịnh* như Phật. Tuy nhiên, thân tâm phàm phu chúng ta khác xa Phật. Vì, tâm Phật thì an trú trong Nội-Ngoại không và trang nghiêm bằng phước huệ, và ứng thân Ngài cũng là thân ngũ uẩn, nhưng đầy đủ 5 tướng như: Thông đạt tâm bồ-đề .2- Tu tâm bồ-đề .3- Thành tâm kim-cang. 4- Chứng thân kim-cang. 5- Thân Phật viên mãn.. Cho nên tạo thành *thân Phật cụ túc*, còn thân chúng ta thì cấu tạo bởi tứ đại và tâm thì được nuôi dưỡng bởi ngũ thủ uẩn.

Đi từ những nguyên nhân cấu thành vũ trụ vạn hữu như *lục đại duyên khởi*:

- 1- Địa (Prthividhàtuh ) : Đất, sức ép, tiết xuất.
- 2- Thủy (Abodhàtuh ) : Nước, tính chất tàng trữ.
- 3- Hỏa (Tejodhàtuh) : Lửa, sức ấm nóng.
- 4- Phong (Vajudhàtuh) : Gió, sức rung động.
- 5- Không (Sūnyatà) : Không gian
- 6- Thức (Vijnāna) : Cảm giác, tư tưởng..

những tính chất trên rất tinh tế và tự có đủ năng lực tiến hóa, phát triển cũng như không thể phân tích được như những nguyên tử, điện tử...Chúng dung hòa lẫn nhau và tạo ra sự hiện hữu của vũ trụ, vạn vật.

Trong Dịch lý, phần học thuyết ngũ hành, ta thấy: Kim Mộc Thủy Hỏa Thổ cũng vậy, là những khí chất phổ biến, chứ không phải là 5 chất cơ bản của vạn vật theo học thuyết duy vật, chúng cũng không thể đứng độc lập, mà nương dựa nhau để mà tồn tại.

Trên cơ sở phạm trù nhân quả đó, mọi hiện tượng xảy ra luôn luôn có 2 nguyên nhân: Úc chế một hiện tượng và Hưng phần một hiện tượng khác. Nói theo xưa: " Trong vạn vật, hễ có Ta, thì có cái Sinh Ta và có cái Khắc Ta; khi có Ta thì phải có cái Ta Sinh và cái Ta Khắc." Tạo thành một hệ thống tự điều chỉnh, thống nhất hài hòa. Đó cũng là nguyên lý Âm Dương: "*Âm Dương tương phản tương thành*" Trong mọi bản chất của hiện tượng và sự vật, luôn luôn có sự mâu thuẫn nội tại để thành hình và duy trì lẽ sống.

Bước qua phần cấu tạo thân người với tứ đại: Đất như phần da thịt, nước như lượng máu lưu thông, gió như những cử động của các cơ năng và lửa như hơi ấm làm cho một cơ thể sinh tồn. Tuy nhiên, tứ đại đều nương tựa lẫn nhau, không có gì độc lập vì trong mỗi đại đều hàm chứa các đại kia. Từ đó, đưa ta đến luật duyên sanh duyên khởi:

*"Cái này hiện hữu thì cái kia hiện hữu, Cái này sinh khởi thì cái kia sinh khởi  
Cái này không thì cái kia không, Cái này hủy diệt thì cái kia hủy diệt"*

Kinh Majjhimanikaya

hoặc " *Tất cả toàn thể vũ trụ tạo thành một vật, và một vật ảnh hưởng đến toàn thể*". Cho đến phần ngũ uẩn cũng vậy. Ngũ uẩn bao gồm Danh và Sắc:

- 1- Sắc (Rūpa) hay là ấm: Hình tướng vật thể.
- 2-Thọ (Vedana): Cảm giác thọ vui hay buồn khi đối cảnh.
- 3-Tưởng (Sanjñā): Tưởng tượng ra sự sai biệt khi tiếp xúc với cảnh..
- 4- Hành (Sankhārā): Hướng động lực tạo nghiệp.
- 5-Thức (Vijnānā): Phân biệt sự vật rồi bám chặt vào tùy theo sự yêu ghét.

"Lấy một hữu tình mà xét, thì Sắc uẩn là Thân, còn 4 uẩn kia là Tâm. Trong Tâm có Thọ Tưởng Hành mỗi thứ đều là một loại tác dụng đặc biệt của tâm tính, nên gọi là *pháp sở hữu của Tâm* hay *Tâm sở*. Còn một mình Thức là tự tính của Tâm, nên gọi là *Tâm vương*. Cho nên, năm uẩn là hai pháp Thân và Tâm". Mỗi uẩn đều bao hàm các uẩn khác và hòa hợp lẫn nhau để hiện hữu. Chúng có tính chất khát khao tồn tại mãi, nên chấp thủ, bám víu vào sự sống một cách kiên trì. Nhưng chúng được cấu tạo bởi những yếu tố không bền vững, luôn thay đổi, nên không có thực thể hay bản ngã cố định. Ở đây, cũng cần nhấn mạnh: Phật giáo quan niệm một sinh mạng do nhiều nguyên nhân hòa hợp, chứ không do một nguyên nhân sáng tạo đặc thù nào, như căn nguyên hay đẳng lưu nhân quả của một sinh mạng là *nhân*, còn những điều kiện cần thiết giúp cho một sinh mạng tồn tại, phát triển hay tăng thượng duyên là *duyên*.

Hình dáng thân xác của ta, bề ngoài thấy như ổn cố, nhưng chúng luôn biến đổi: từ sơ sanh, biết đi, biết nói, thanh niên, cho đến lão niên đều khác biệt nhau. Nếu quan sát tâm, ta cũng thấy từ cái cảm giác, tư tưởng...khi 6 căn (Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý) tiếp xúc với 6 trần (Sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp) thường thay đổi trong chớp nhoáng hay trong mỗi刹那 tư tưởng. Dòng suối tâm liên tục chảy, cuốn theo tất cả đủ loại tư tưởng xấu tốt, khiến ta có cảm giác rằng có một cái ta cố định, trường cửu, làm chủ thân. Nhưng tất cả đều không cố định, vô thường, rỗng không, nương tựa nhau mà hiện hữu nên không có thực thể, vô ngã. Tính chất *vô thường, rỗng không và vô ngã* hiện hữu trong tất cả các pháp.

Đứng về mặt tương đối luận, nếu nói: "Hữu thân hữu khổ", ta cũng có thể nói: "Có nghiệp mới có thân và có khổ." Nghiệp do vô minh mà ra và xuất hiện đồng thời với vũ trụ vạn hữu. Nghiệp hay vô minh là một phần của bản thể và hữu chung vì là động. Những gì có tác động thì có sinh và có diệt và vai trò của vô minh sẽ biến mất, vô tác dụng hay trở thành phương tiện diêu dụng khi một vị đã giác ngộ.

Sự bám víu vào những gì sinh diệt sẽ đưa đến khổ đau vì trói buộc con người trong sự tham đắm và gìn giữ. Mười sợi dây làm khổ lụy, sai khiến con người là Thập kết sử: 1-Tham dục, 2-Sân nhuế, 3- Si, 4- Kiêu mạn, 5- Nghi, 6- Thân kiến,



7- Biên kiến, 8- Tà kiến, 9- Kiến thủ kiến, 11- Giới thủ kiến. Đó là do gốc vô minh, thiếu chánh kiến nên đưa đến không nhìn thấu được bản chất của mọi sự vật đều giả hợp. Con người của quá khứ, của những ngàn năm năm về trước và những con người của hiện tại đều giống nhau, cùng những đau khổ, cùng những suy tư và đều cùng bị ràng buộc trong những duyên hợp đó. Do thấy sai (*Kiến trui*) nên tạo thành vô số nghiệp tích lũy từ vô lượng kiếp và tăng dần thêm trong cuộc sống hiện tại, những nghiệp thức này che lấp bản tâm nên thường y theo *biến kế sở chấp* (Parikalpita) nhận giả là chân, nhận vô thường là thường, nhận có một cái ngã thường hằng, nên sợ hãi bị mất và tham đắm (*Dục ái trui*) rồi tạo thành nghiệp luân hồi.

*Tôi tìm tôi trong mộng  
Nên mộng đến bên tôi  
Mộng đi rồi mộng đến  
Cũng là mộng mà thôi*

Làm sao phá vỡ được cơn mộng này? Làm sao cho cái vòng móc xích của mười hai nhân duyên không còn tác dụng?

Con đường của Mật giáo đi từ *hữu* và *không*, và rồi rời bỏ cả *hữu* và *không*, đi vào cảnh giới bao la, mệnh môn của Tất địa, của *Chân không - Diệu hữu* và biến tất cả thành phương tiện diệu dụng để độ sanh. Những diệu dụng này phát xuất từ Pháp thân Như Lai Đại Nhật mà người hành giả cần phải đoạn sạch phiền não và có đầy đủ trí tuệ mới có thể trực tiếp thọ dụng cảnh này.

Mạc vị vô tâm biện thị đạo  
Vô tâm canh xá nhất lộ trình  
Dịch:  
*Chớ gọi vô tâm là chúng đạo  
Vô tâm còn cách một đoạn đường.*

Tuy nhiên, có những hành giả đến giai đoạn nào đó đã tự mãn, cho rằng đã chứng đắc hoặc ôm một số thần thông nào đó. Thấy có huyền, có động lao xao, nên dụng công tu để đoạn cảnh và đạt được thanh tịnh, nhưng vẫn còn chấp cảnh thanh tịnh, nên chướng ngại tánh viên giác hãy còn. Phẩm Phương tiện trong Kinh Pháp Hoa, có 5000 vị tỳ kheo đã đứng dậy bỏ đi khi đức Phật giảng nói pháp Nhất thừa (ekayàna), vì tất cả các pháp trước như Tứ diệu đế, Thập nhị nhân duyên, Nhị thừa, Tam thừa v.v. chỉ là *Hóa thành dụ*.

Sự giải đãi, sự tự mãn, thiếu giác tỉnh không thu thúc lục căn...chính trong lúc này sẽ khiến hành giả dừng chân lại, lãng quên thực chất của sự vật là Khổ-Vô thường-Vô ngã, để mặc cho thân khẩu ý rong ruổi theo trần cảnh, do đó, gây ra những chướng ngại. Những chướng nạn này do tự tâm sanh chứ không phải đến từ ngoài, vì Phiền não chướng hay Sở tri chướng có từ vô thủy với chúng sanh và nằm sâu trong a-lại-gia thức. Vì thế, sự giải đãi, thiếu chánh niệm, hôn trầm, trạo cử sẽ làm cho nó có dịp bùng dậy như *kiến tư hoặc*, *trần sa hoặc* hay *vô minh hoặc*. Tất cả mọi dạng thái nổi lên đều là trò đùa của tâm vọng động do tập khí nhiều đời nhiều kiếp, xô đẩy con người ra khỏi sự tịch lặng và làm cản trở con đường thể nhập chân tâm của hành giả. Cho nên, kinh nói trì tụng chú này sẽ không có chướng nạn vì chú là nguyên ngôn của vũ trụ hay của tâm thức và là lời chân thật

của Phật và Bồ tát, những vị Giác ngộ. Trong mỗi chân ngôn đều bao gồm Giới Định Huệ nên đốt tất cả ngôn từ và ý niệm đưa đến vô ngôn vô niệm và đoạn diệt tất cả mọi khái niệm, tri thức làm cản trở sự thể nhập chân tánh. Thần chú còn có năng lực làm biến mất bản ngã vì không còn chỗ bám dựa, rỗng không. vì lìa khỏi các huyễn cảnh và các huyễn tâm. Trong kinh Lăng Nghiêm, Phật gọi đó là "*Bất từ phân biệt*" hay "*Giác mê, mê diệt*". Đối với chúng ta, nó vô nghĩa vì ta thường sử dụng ngôn ngữ phân hai trong đời sống thường ngày; nhưng nếu thường miên mật với thần chú, những âm thanh gọi là vô nghĩa đó như bức tường thành tâm nín có mãnh lực đè ép những vọng tưởng, trần cảnh của tâm hành giả ra thành tro bụi, rơi rụng xuống cho *mặt trời tâm xuất hiện*.

Sự thể nhập vào biểu tượng đi đến tận cùng của Thể và để từ đó, biểu lộ ra Tướng và Dụng (Thể đến đâu, thì Tướng và Dụng đến đó). Sự giác ngộ của một con người không có nghĩa là để hưởng pháp lạc hay an trú trong cõi Hữu dư hay Vô dư Niết bàn.

Đức Phật Thích Ca sau khi đắc đạo- dù đã trải qua vô lượng kiếp tu hạnh Bồ tát- nhưng Ngài vẫn chuyển bánh xe Pháp để độ chúng sanh, cũng như hiện nay Ứng Hóa thân của Ngài cũng đang có mặt khắp mọi nơi chốn để tùy duyên hướng dẫn độ sanh. Đức Bồ tát Quán thế âm, Bồ tát Địa Tạng v.v..cũng vậy. Đó là tinh thần tích cực của đạo Phật. "*Phụng sự chúng sanh tức phụng sự chư Phật*".

Trong bài giảng Thất Giác Chi (Bojjhanga Samyutta hay Thất Bồ-đề phần trong bộ Tăng Nhứt A Hàm), Ngài Piyadassi có viết như sau: " Yếu tố đầu tiên của sự giác ngộ là Niệm (Sati) vì Niệm là phương tiện hữu hiệu nhất để tự kiểm soát, tự làm chủ lấy mình. Bất luận ai, khi hành chánh niệm là đã tìm ra con đường giải thoát. Niệm có 4 là: *Niệm thân*(kayànupassanà), *niệm thọ* (vedanànupassanà), *niệm tâm* (cittànupassanà), *niệm pháp* (dhammànupassanà). Có tâm niệm là có sự chăm chú liên tục, kiên trì, con người luôn luôn tự bao trùm quanh mình cái tâm tinh giác (satimà), cái tâm can đảm và quyết tâm trì chí, vượt qua trạng thái đã dưng buông lung (pamatto). Đức Phật từng nói: "*Như Lai không thấy gì có năng lực hùng mạnh như Tâm Niệm, để làm phát sanh những tư tưởng thiện chưa sanh, và làm tan biến những tư tưởng bất thiện đã phát sanh*".

Do có chánh niệm, nên tâm trở nên thanh tịnh và nhìn rõ bản chất sự vật, cũng như từ đó mới đem đại nguyện làm lợi ích cho ta và kẻ khác để thoát ra khỏi vòng trầm luân.

Ngài A-nan sau khi ngộ được bốn tâm, phá được vọng chấp, đã phát nguyện: "*Con nguyện đi vào đời ác, năm trước để độ chúng sanh. Nếu có chúng sanh nào chưa thành Phật, con nguyện sẽ không vào Niết bàn*". Vì tất cả các vị giác ngộ đều nhìn thấy sự tương duyên tương sinh của muôn loài cũng như nhìn rõ mỗi chúng sanh đều có Tánh Giác. "*Vì chúng sanh bệnh nên ta mới bệnh*". Câu nói của ngài Duy ma cật cũng đồng một nghĩa và là Diệu dụng của *Chân Tâm*.

Người hành giả tu Mật giáo, sau khi được quán dành và thọ Bồ đề tâm giới, sức mạnh của tâm Bồ-đề càng nung nấu mãnh liệt. Khi Niệm đạt đến Vô Niệm, và đi đến Vô Bất Niệm, tự tâm sẽ sanh xuất ra biết bao nhiêu là *thân thông diệu dụng*. Như đã nói ở trên, tất cả đều có đủ trong Như Lai Tạng Thức. Thấy cuộc đời như huyễn, thân như huyễn, pháp như huyễn, tâm hành giả sẽ rộng mở bao la trùm khắp pháp giới vì không còn một vướng mắc nào và từ chân tâm này, tất cả các diệu dụng sẽ được đem ra làm lợi cho con người. Chỉ có những con người đã hoặc đang trên đường trở về bốn tâm, thì hành động, việc làm mới không vì tư lợi, vì họ không bị ràng buộc hoặc kèm chế bởi tham sân si, vị kỷ. Đó là hình ảnh moat con

người đã tự tại hoàn toàn đối với bản thân và ngoại giới, nên trong tâm tràn đầy đại hùng, đại lực, đại từ bi, dẫn thân vào cuộc đời và coi thường mọi thăng trầm vinh nhục. Người hành giả sẽ mang những yếu tố tự phát do tâm như: *Hành xứ* (nhu hòa, nhẫn nhục, tâm an tĩnh, thấy rõ vạn vật như thực và có *trí vô phân biệt* để dẫn thân vào cuộc đời cứu đời) *Thân cận xứ* (Vì luôn sống trong chánh niệm, thân cận các bậc thiện tri thức, vọng niệm không còn nên tâm luôn sáng suốt, tự tại) *An lạc* (Tâm luôn an lạc vì không tạo nghiệp) *Đại từ bi tâm* (Sanh lòng thương xót đến tất cả mọi người không phân biệt và tùy căn cơ đem Tứ nhiếp pháp làm phương tiện ban vui cứu khổ). Như Kinh Thập Địa nói: "*Vào gia đình chư Phật là nhận lấy và giáo hóa hết thủy muôn loài làm thân thuộc của mình.*" \*

Này em, nhân khi nhận được hoa hồng xanh từ em với khoảng đời im lặng, vô tình tôi chợt nhớ đến những gặp gỡ tâm thức của tôi đối với Mật giáo trong những lúc hụt hẫng, bơ vơ, mất mát niềm tin của năm tháng sống mông lung. Tôi đã mầy mò, tìm hiểu, nghiên cứu để đem chất liệu của Mật giáo cho riêng mình, đi tìm lại tôi.

Hình ảnh đức Phật với tinh thần nhập thế vì chúng sanh của Ngài với lịch sử được ghi nhận lại và trong biết bao nhiêu là Kinh sách, nói đến tấm lòng thương yêu vô bờ bến của Ngài, và từ chính *Tích môn* đó, tôi đi lần vào *Bản môn* tìm ra chất liệu nhỏ nhoi cho cuộc đời mình và xin chia sẻ như đã nêu ở trên, một đạo Phật qua cái nhìn lãng mạn của tôi.

Kho tàng tâm linh của đạo Phật nhiều quá, bao la vô cùng....may mắn cho chúng ta được là con của đức Phật và đón nhận được gia tài vô giá của Ngài để lại....từng chút một tài bảo đó, khi tìm hiểu, khi thực hành và những gì đem lại lợi ích cho mình, cho cuộc đời, chúng ta sẽ cảm nhận được những ích lợi chuyển hoá tâm từ những áp dụng pháp vào đời.

Tôi cũng muốn nhắc màu xanh, màu của tuổi trẻ và lý tưởng, màu của hoa hồng xanh mà em dành tặng cho tôi, màu của đại dương bao la, mênh mông, màu của mây trời xanh ngát... Tuổi trẻ của tôi đã bắt gặp đạo Phật với niềm tin không mê tín, vững tin sống, vững tin đi vào đời sau những năm tháng sống không ngày mai. Cho nên, từ khổ đau, từ thất vọng, tôi đã tìm lại chính mình và từ từ khơi dậy những bản tánh tốt đang có mặt trong tâm. Trái tim tôi chai sạn, đầy những vết sẹo do bao nghịch cảnh của cuộc đời như những làn sóng nghiệp đã từng đổ dồn dập trong thân tâm, nhưng đâu ngờ, chính đó lại là những chất phù sa, chất đẽ hồ nuôi dưỡng tâm hồn tôi khi biết tu tập, chuyển hoá. Đau khổ là trường học thật đầy ý nghĩa cho cuộc sống, làm giàu chất người được nhân lên trong tâm và làm hiểu thấu đến các giá trị đích thực của đời người. Có phải là hạnh phúc quá không, tùy theo người cảm nhận khi thực hành giáo lý đạo Phật.

Khi chiến tranh chấm dứt, thương cho các em đã bơ vơ, vất vưởng...và một số đã lao vào những ăn chơi trác táng, quên mất đường về. Sống sa đọa trên tâm hồn của mình và vùi đầu trong những hoang tưởng cuộc đời được thể hiện bằng những hành động trạng thái điên cuồng, dù các em không có bị những áp lực lớn mạnh như chúng tôi.

Con đường của chúng tôi đi qua bằng chết chóc, thất vọng và được vực dậy, sống. Con đường của các em về bằng những ảo tưởng về cuộc đời, thấy có mình là quan trọng, thất cái Ta cao vợi vợi, thấy tại sao không ai chú ý đến mình. Cho nên, em co rút lại trong không gian nhỏ bé của thân xác tạm bợ này, tưởng chừng như tồn tại vĩnh viễn, đốt tương lai trong những trò chơi vô nghĩa...

Tuy nhiên, cũng có những em giật mình, nhìn lại mình, nhìn lại người thân, nhìn lại đời sống và thấy rằng dù hoàn cảnh nào thì cũng phải sống cho ý nghĩa, một ý nghĩa tương đối nào đó, lợi mình và không hại người, lăn xả vào những công tác từ thiện, đến những vùng xa xôi, hẻo lánh để mong giúp ích gì cho con người đang cần đến...

Hoặc có em chọn những đời sống bình thường, thụ động, tiêu cực với cuộc đời, sống sao cũng được, không đòi hỏi đua đòi, cạnh tranh, an phận thủ thường... để cho qua hết kiếp người.

Nhưng, quan trọng hơn cả, là có những tuổi trẻ chọn lý tưởng mang "chiếc áo cô đơn" vào đời. Những hình ảnh đó đẹp, thanh thoát, cao quý quá... đi vào đời để làm đẹp cuộc đời, thật đáng kính phục.

Đất nước Việt nam được may mắn trong sinh mạng tồn vong trong suốt chiều dài của dòng lịch sử, được sự có mặt của Phật giáo, trên hai ngàn năm hơn.

Giáo lý Từ bi-hỷ xả, trí tuệ-khai phóng-bao dung của đạo Phật đã đóng góp toàn diện cho đất nước, đem con người sống có ý nghĩa, có lợi lạc cho con người...trong chất liệu sống động, màu mỡ cho tâm linh. Hình ảnh và chất liệu sống động đó gắn liền chung với nhau, hoà quyện vào nhau như một thân thể không thể chia cắt ra được. Chưa bao giờ, và không bao giờ, đạo Phật đi đến bất cứ quốc gia, bất cứ dân tộc nào lại làm khổ đau hoặc là một đối kháng cho dân tộc đó, ngoài những thiệt thòi đem chính thân mạng mạng của mình hy hiến khi cần đến, xả bỏ vì sự sống còn của dân tộc, và còn lại là rời bỏ phú quý, vinh hoa, từ bỏ tất cả để sống với áo vải nâu sòng, đạm bạc của cuộc sống trong Tam Thường Bất Túc "ăn, mặc, ngủ" và đó, cũng là sức sống vững mạnh của Phật giáo.

Đạo Phật Việt Nam có nhiều truyền thống như Nam và Bắc tông, và có nhiều nhiều Tông phái để tùy căn cơ và trình độ của con người mà thích ứng, giảng dạy. Chưa bao giờ những Tông phái trong đạo Phật chống đối lẫn nhau vì tất cả như "trăm sông đổ ra biển cả" hoặc các pháp môn chỉ là phương tiện thiện xảo với mục đích duy nhất là đưa con người đến phương trời cao rộng, giải thoát.

Lịch sử oan nghiệt cũng đã đưa nhiều vị Tôn Túc của Phật giáo ra nước ngoài như Thầy Thích Thiện Ân, Thầy Chân Thường, Thầy Quảng Thiệp, Thầy Nhất Hạnh v.v... và mỗi vị đều tùy theo hoàn cảnh của mình để xiển dương đạo Phật ở nước ngoài.

Thầy Nhất Hạnh là một trong những vị Tôn Túc đó, là một Danh Tăng đương đại và là lý tưởng cho biết bao nhiêu Tăng Ni trẻ noi theo. Từ Tình người của Tâm Quán, từ Tạp chí Hải Triều Âm khi xưa, đến Trường Thanh Niên Phụng sự xã hội, dòng Tiếp Hiện, Đạo Phật đi vào cuộc đời, Đạo Phật hiện đại hoá... và Nẻo về của ý v.v. và v.v... tất cả quyện lại như một thư viện tâm linh vô giá, như một tấm lòng hy hiến cho Phật giáo và con người với lý tưởng cao đẹp, thánh thiện.

Dân tộc Việt Nam nên hãnh diện vì Ngài, Phật giáo Việt nam nên kính phục Ngài. vì là một vị Tăng Tài của Phật giáo Việt nam, đã đem giới thiệu đạo Phật mới mẻ cho người Tây phương, và có nhiều người tu tập, áp dụng vào đời sống hàng ngày.

Vấn biết rằng với phương pháp giảng dạy của Thầy được làm sáng lại theo tư tưởng mới, cách hành văn, giảng dạy mới để cho thích hợp với người Tây phương và tuổi trẻ ở nước ngoài, nên đôi khi khác lạ với truyền thống của Phật giáo, do đó, cũng gây nên những ngộ nhận. Có người cho rằng những phương pháp giảng dạy đó không đi vào chiều sâu của nội tâm, để có thể đưa người hành giả chuyển hoá tận gốc rễ vô minh và đưa đến giải thoát sinh tử luân hồi như bản hoài của đức

Phật và giáo lý của Ngài truyền lại. Cho rằng phương pháp tu tập của Thầy chỉ như phương pháp tâm lý trị liệu có đem Phật Pháp vào, nhưng suy cho cùng, thì pháp môn của Thầy cho đến hiện giờ cũng đã xoa dịu được biết bao nhiêu tâm hồn đang đau khổ, bấp bênh trong đời sống, bệnh tâm thần, từ gia đình, xã hội, con người v.v... và khi chữa bệnh, với phương tiện thiện xảo là chưa cấp kỳ, ngay tức khắc ... để giải quyết cơn đau, còn đi sâu hơn để giải quyết sanh tử, thì đó là chí nguyện, hạnh nguyện tiếp nối về sau. Và dù muốn hay không, dù có không đồng ý với những gì mà Thầy giảng dạy...nhưng phải kính trọng tấm lòng cao quý của Thầy đã và đang làm được, là giới thiệu được Phật với người Tây phương, cho đất nước còn mới lạ với truyền thống Phật giáo và thành công.

Dù chỉ mới gặp Thầy một lần, nhìn từ xa, và chưa bao giờ được may mắn tiếp cận với Thầy để học hỏi, nhưng trong lòng tôi- một người Phật tử ít học, ít hiểu biết nhiều... nhưng vô cùng kính quý tư tưởng, tấm lòng của Thầy. Thầy cũng là người luôn luôn vững vàng trước Bát phong, ngồi yên như núi trước biết bao nhiêu sự đánh phá, chụp mũ, bôi nhọ, xuyên tạc v.v. và v.v.. nhưng Thầy vẫn chưa bao giờ nản lòng, vẫn bước chân vững trên nền đất tâm linh, mặc cho thế sự dày xéo, và chỉ mong đem tâm cống hiến những chất liệu từ bi, trí tuệ của Thầy cho đời, cho con người.

Hình ảnh đó đáng ca tụng, trân quý, đành lễ, cung kính biết bao. Nếu các tôn giáo khác có một người như Thầy, họ sẽ đưa lên cao hoặc ca tụng như thế nào? Còn chúng ta, những người Phật tử Việt Nam?

Hạt giống đạo Phật qua tư tưởng sáng tạo của Thầy đem về trồng ở Việt Nam sau bao nhiêu năm trường xa quê hương, làm thân đất khách. Ước nguyện của Thầy đã được biểu đồng tình của quý Thầy tại Tu viện Bát Nhã ở Đà Lạt. Dĩ nhiên, đây là pháp môn còn là mới lạ với chất màu mỡ, đất đai và Phật giáo Việt Nam.

Tôi còn nhớ năm 1967, tại Miền Nam, khi đạo Baha'i xin thành lập, đã không được Chánh quyền chấp nhận, nhưng sau nhờ sự can thiệp của Thầy Thích Trí Quang- lúc đó Tổng Thư Ký của Viện Tăng Thống, gửi Văn Thư lên Chánh quyền xin dùm và đạo Baha'i đã được chánh thức thành lập tại Trụ sở trong hẻm gần Ngã tư đường Công Lý và Yên Đỗ lúc bấy giờ. Sở dĩ nhắc lại dữ kiện trên là để nhấn mạnh rằng, đối với đạo Phật và những người tu sĩ theo đạo Phật, thì con người có nhiều căn cơ khác nhau, nên những gì có thể đem cho con người được sáng suốt, tăng trưởng trí tuệ, không mê tín, mù quáng, tin vào thần quyền và giải thoát khỏi khổ đau... thì đó là đạo Phật, dù mang bất cứ hình thức tông phái nào..

Hình ảnh tuổi trẻ Việt Nam qua những Tăng Ni trẻ 400 người tại Tu viện Bát Nhã trong mấy ngày qua, làm chấn động lương tâm con người ở hải ngoại và trong nước. Không ai nghĩ đó là chánh sách của Việt Nam trước những người theo Pháp Môn của đạo Phật, một đạo Phật với tấm lòng bao dung, bao la, rộng lớn. Một pháp môn chỉ đặt trên sự tu tập làm tăng trưởng trí tuệ, sống nhu hoà, làm tăng thân với nhau, làm đẹp con người và cuộc đời với hạnh phúc hà thuận. Những người tu tập theo pháp môn này không bao giờ là nhân tố gây hận thù, chia rẽ, tác hại đến ai vì chính đó là những gì mà các vị đang tu tập cần chuyển hoá, xả bỏ để tâm được trong sáng, thanh tịnh.

Không ai biết bên trong nội bộ có những vấn đề gì khác, nhưng hình ảnh những người dùng bạo lực, dùng côn đồ, dùng những cô gái ăn mặc không mấy đẹp, hở hang... để làm áp lực với những Tăng Ni đó, như cắt điện, cắt nước, đổ phân vào nơi ngủ, đập phá bếp, phòng ngủ... thì thật là bất nhân.

Hình ảnh xua đuổi, xúc người chở đi đâu không biết, những người Tăng Ni trẻ đó đã bị đuổi ra khỏi Tu viện, lê thân đi 17 km để đến tá túc một nơi mới dưới cơn mưa, thiếu thốn đủ thứ, nhưng trong lòng vẫn niệm Bồ tát Quán thế Âm để đem năng lực từ bi tha thứ cho những người hại mình, đem tặng thân trí tuệ mong cho người sớm thức tỉnh, đừng gây thêm tội ác nữa.

Ngày trước 1975, trên báo nhật báo Chánh Đạo do Thầy Hộ giác làm Chủ Nhiệm, tôi vẫn còn nhớ mãi câu nói lịch sử của Thầy Trí Quang rằng: *"Chúng tôi nguyện đem xương máu để trang trải cho đạo Pháp và dân tộc. Và nếu có chết thì chết như một chân lý trước bạo lực chứ không phải bạo lực này kém bạo lực khác"*.

Vâng, những người theo đạo Phật không có bạo lực, mà chỉ biết đem chính thân mạng của mình ra để bảo vệ cho lý tưởng làm đẹp cuộc đời, vì yêu cuộc đời, yêu con người và muốn chuyển hoá tất cả những người hữu duyên trở thành những con người tốt, sống có ý nghĩa, làm lợi cho đất nước và con người.

Với những tâm hồn tuổi trẻ như thế, bất bạo động trước những bạo động, im lặng niệm Phật trước những lời nhõ nhăng, mỉm cười tha thứ trước những xua đuổi thù hằn...thì thật vô vàn kính phục.

Vì sự bao dung của đạo Phật trước bất cứ Pháp môn tu học nào, miễn đem lợi lạc cho con người và xã hội. trước người trẻ sống cho lý tưởng muốn được tu và chỉ giữ màu tu không thôi, sống làm những con người trong sáng trong xã hội, đem tặng thân hy hiến cho đời, cho đất nước và trước thảm cảnh này, nếu chúng ta không lên tiếng trong tinh thần chia sẻ, chúng ta sẽ có lỗi với tuổi trẻ, có lỗi với chính mình trong tâm nguyện làm ích đạo lợi đời.

Tuổi trẻ bất bạo động, im lặng dưới cơn mưa bạo lực và chờ chúng ta lên tiếng nói. Chúng ta phải làm sao? Mọi người phải làm sao?

Bước qua thế kỷ 21, thời đại thông tin mau lẹ, một việc vừa xảy ra ở một nào đó...trong một khoảng thời gian ngắn, chúng ta đã thấy xuất hiện đầy trên những tin tức cập nhật. Cho nên, mong rằng mọi xử sự như những gì đang diễn ra sớm được hoà giải, mọi bạo động mau dập tắt, và cho lòng tin vào những người bảo vệ phẩm giá của con người luôn được tôn trọng.

Trước tấm lòng nhu hoà, nhẫn nhục, bao dung và từ bi của 400 Tăng Ni trẻ đã đánh động lương tâm con người có ý thức và trách nhiệm.

Xin các vị hãy vững tâm trước những rối loạn này, đừng sợ, đừng sợ, đừng nản lòng, vì tâm bồ đề chính là chất liệu hùng tráng nhất mà mọi người con Phật mang trên đường hành đạo .... Chúng tôi nghĩ rằng sẽ chuyển được tâm ác, chuyển hận thù thành yêu thương, đánh thức dậy tâm Phật trong những con người vì lý do gì đó mà quên đến bản chất hiền từ, bất bạo động của những người tu sĩ, những người sống vì Chân Thiện Mỹ và tạo dựng, đem cái đẹp đến cho con người.

Tâm bồ đề đem cho chúng ta có tinh thần Vô Úy vì hiểu ý nghĩa cuộc đời, hiểu được lý tưởng phải đi đến, bởi vì tâm chúng ta là cả đại dương có chất liệu của từ bi và trí tuệ, bao dung, nhẫn nhục nhưng khiêm cung, dũng mãnh... được bao bọc bởi đất của tâm Phật. Rồi, tất cả mọi chuyện sẽ phải trôi qua, và ánh sáng của tâm muôn đời vẫn toả sáng....

Cầu xin hành dương liễu của Bồ tát Quán Thế Âm- vị Bồ tát của lòng Từ-Thương và Chia sẻ, rải nước cam lồ làm mát mẻ tâm người, dập tắt lửa hận thù đang dày xéo lên thân phận những con người mang chí nguyện xuất gia.

"Vì Mỗi cá nhân đều có Chánh báo (biệt nghiệp) và Y báo (cộng nghiệp hay hoàn cảnh chung quanh như xã hội, văn hóa, môi trường v.v.) Do đó, mỗi cá nhân đều ảnh hưởng đến xã hội hoặc ngược lại, Chánh báo ra sao, Y báo như vậy. Từ khi

sự tiến triển của internet (mạng lưới thông tin toàn cầu), thì càng ngày mọi người đều hiểu biết và thẩm thấu tinh thần Hoa Nghiêm, đó là *định luật tương duyên tương sinh*. Tất cả đều ảnh hưởng lẫn nhau hoặc ngược lại. Cho nên, chuyện của người này là chuyện liên hệ đến tất cả mọi người trên trái đất này, vấn đề của quốc gia này cũng là của quốc gia khác. Chiến tranh đang chực đe dọa khắp mọi nơi. Giữa người giàu và nghèo ở mỗi nước vẫn là một vấn nạn khó trả lời. Nạn đói, nạn thất học, nghèo nàn, thiên tai bão lụt, nhân tai v.v..đã làm nảy ra biết bao nhiêu là vấn đề cho xã hội. Tâm đến đâu, sẽ đưa đến sáng tạo và tiến triển. Biết bao nhiêu công trình văn hóa của nhân loại, lợi ích cho mọi người cũng xuất phát từ tâm. Khoa học hiện nay đã tạo biết bao nhiêu là tiện nghi phục vụ cho con người, nhưng bên cạnh đó cũng gây ra bao nhiêu là đau khổ cho nhân loại qua sự phát minh ra những vũ khí giết người như bom nguyên tử. Khi con người còn mang đầy tham sân si, cố chấp, ích kỷ về cá nhân, xã hội, quốc gia, nòi giống v. v..thì tất cả những phát minh giết người hàng loạt trên chảng biết sẽ đưa nhân loại đi về đâu? Chưa bao giờ mà giáo lý của đạo Phật bị đòi hỏi cấp thiết như hiện nay. Nên Thành sở tác trí của Phật Bất Không Thành Tựu phải được tất cả mọi người nghiên cứu, tu tập, và từ đó, đem cái tâm khoan dung, sáng suốt, từ bi, trí tuệ để đem tất cả pháp diệu dụng của tâm tạo sự an lạc cho muôn loài. "*Độc thọ khai hoa, vạn thọ hương*". Chỉ có Tâm Giác ngộ vì không còn tham chấp, vọng tưởng, tham sân si, thì cái HẠNH sẽ chuyển hóa thành Pháp Diệu Dụng và cái họa nguy hiểm, đau khổ này mới giải quyết tận gốc rễ. Do đó, nhân loại mới sống được hạnh phúc hoàn toàn. Đó chính là thâm ý tuyệt diệu của đức Phật trừc những khổ đau của con người"\*

Với cánh hoa hồng xanh nhận được, miên man tìm chiều sâu của ý nghĩa, chợt nhớ đến lý tưởng và tuổi trẻ của năm nào và những hình ảnh của Tăng Ni trẻ dưới bạo lực đang xảy ra ở quê nhà, và những gì cần nói, cần chia sẻ, cần gióng lên tiếng chuông báo động.. để lương tâm sớm trở về trong mỗi con người liên hệ.

Vẫn với sở học hạn hẹp, vẫn với những ước mong chia sẻ nhỏ nhoi qua những gì hiểu được, biết được rất tầm thường trước rừng giáo lý bao la của đạo Phật, nhật được một hạt cát bé bỏng này, xin được kính dâng và chia sẻ, dù bạn có *đồng ý hay không*, cũng xin nhận cho một tấm lòng trân quý.

Thành thật cảm ơn bạn, cảm ơn tuổi trẻ và lý tưởng.

Viết xong ngày 01.10.2009



---

\* Đoàn văn : «Người có nghiệp với Phật »- Cư sĩ Liên Hoa, năm 2005.

\* Đoàn văn : « Chiếc áo cô đơn » - Cư sĩ Liên Hoa, năm 2006.

\* Tùy bút : « Sự hoang tàn của tuổi trẻ » - bị mất, quên ngày tháng viết.

\* Tiểu luận « Yết ma bộ hay Cái Dụng của đạo Phật » - Cư sĩ Liên Hoa, năm 2000.